

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170 /2019/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Chính.

Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình C, sinh năm 1995, tại Nghệ An; tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: (Xóm 2 cũ) Xóm Đ, Xã Minh Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ số 276, tổ 17, khu phố 3A, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.; *Nghề nghiệp:* Công nhân; *Trình độ văn hóa (học vấn):* 12/12; *Dân tộc:* Kinh; *Giới tính:* Nam; *Tôn giáo:* Không có; *Quốc tịch:* Việt Nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1969 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo con đầu; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không có. Tiền sự: Không có; Ngày 12/12/2018 đầu thú. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (Có mặt).

Người bị hại: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: tổ 18, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 5, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J

Địa chỉ: Lầu 15, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận B, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đình C và chị Bùi Thị Th là bạn bè với nhau. Vào ngày 10/12/2018, bị cáo C có mượn xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 47F1-467.58 của chị Th để đi công chuyện và hẹn ngày hôm sau sẽ trả xe. Đến khoảng 17 giờ ngày 11/12/2018, C điều khiển xe mô tô của chị Th đến khu công nghiệp L 1 đón chị Th về phòng trọ số 05 thuộc tổ 18, khu phố 3, phường L, thành phố B do chị Th thuê ở. Đến nơi C dựng xe mô tô trên ở phía trước phòng trọ và đưa chìa khóa cho chị Th rồi cả hai đi vào phòng trọ. Do muốn có tiền tiêu xài nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Th. Thực hiện ý định trên, C giả vờ hỏi mượn xe chị Th để đi công chuyện nhưng chị Th không đồng ý nên C đã lợi dụng lúc chị Th đang trong phòng tắm liền lấy chìa khóa xe mô tô treo trên cửa phòng rồi lén lút đi ra mở khóa xe nổ máy xe mô tô 47F1-467.58 rồi điều khiển xe đi đến tiệm cầm đồ “Nguyễn Quốc Tuấn” tại số 233, tổ 5, khu phố 11, phường A, thành phố Biên Hòa cầm cho anh Nguyễn Đình H (quản lý tiệm cầm đồ) được 10.000.000 đồng và tiêu xài hết. Chị Th đến công an phường L trình báo, ngày 12/12/2018 C ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 460/TCKH-HĐĐG ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô, gắn máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen biển số 47F1-467.58, có số máy 1069535, số khung 972493, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 90%, trị giá 26.991.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng)”.

Vật chứng: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen biển số 47F1-467.58 là tài sản của chị Bùi Thị Th nên ngày 25/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Th.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Bùi Thị Th, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Nguyễn Đình H yêu cầu bị cáo Cường phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 147/CT-VKSBH ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Đình C từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đình H theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi và ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình C thừa nhận vào khoảng 17 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2018, tại phòng trọ số 05 thuộc tổ 18, khu phố 3, phường L, thành phố B, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ-đen biển số 47F1-467.58, trị giá 26.991.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng) của chị Bùi Thị Th. Ngày 12/12/2018, bị cáo ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được thì hành vi của bị cáo có đủ căn cứ để kết luận phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, không có thu nhập ổn định, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen biển số 47F1-467.58 là tài sản của chị Bùi Thị Th nên ngày 25/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Th là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Th không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Anh Nguyễn Đình H yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng cho anh H. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng

Hình sự 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đối với anh Nguyễn Đình H không biết tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có nên đã cảm do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với hành vi bị cáo đánh bạc bằng hình thức bầu cua, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đình C** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình C **10 (Mười) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/12/2018.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự khác vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND Tp.B (1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai(1)
- Thi hành án (05);
- Công an Tp.B (1);
- Bị cáo, đương sự (4);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai.
- Lưu VP-HS (4).

Hoàng Thị Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ THẨM
PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

